

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ Tịch (miễn nhiệm ngày 04/12/2012)
Ông Đỗ Phan Châu	Chủ Tịch (bổ nhiệm ngày 04/12/2012)
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ Tịch
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên
Ông Lê Văn An	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo này gồm:

Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2013)
Ông Dư Hữu Danh	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2013)
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám Đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu có thể được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Tổng Giám Đốc

DƯ HỮU DANH

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Số: 178/BCKT-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Kính gửi : CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 5 năm 2013 từ trang 03 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 5 năm 2013



LÊ ĐÌNH HUYỀN

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		38.430.464.477	41.838.493.070
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		6.525.341.375	11.774.976.805
1. Tiền	111	IV.01	6.525.341.375	11.774.976.805
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	IV.02	29.246.413.375	24.922.567.771
1. Phải thu khách hàng	131		16.905.201.581	10.981.136.097
2. Trả trước cho người bán	132		3.109.966.602	5.149.246.523
3. Các khoản phải thu khác	135		20.771.016.135	9.072.181.668
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.539.770.943)	(279.996.517)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	IV.03	383.727.476	445.196.802
1. Hàng tồn kho	141		479.013.298	540.482.624
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	(95.285.822)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>			2.274.982.251	4.695.751.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.04	275.108.095	2.761.485.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	IV.05	45.099.144	46.269.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV.05	17.311.910	129.856.631
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.06	1.937.463.102	1.758.139.770
B. Tài sản dài hạn	200		61.675.154.027	75.877.822.696
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		47.624.176.207	55.757.096.298
1. TSCĐ hữu hình	221	IV.07	33.662.267.117	41.795.187.208
- Nguyên giá	222		54.156.792.010	59.314.920.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.494.524.893)	(17.519.733.336)
2. TSCĐ vô hình	227	IV.08	13.750.000.000	13.750.000.000
- Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.09	211.909.090	211.909.090
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	IV.10	10.582.814.140	16.419.710.508
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.325.651.028	8.366.547.396
2. Đầu tư dài hạn khác	258		8.053.163.112	8.053.163.112
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.796.000.000)	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.468.163.680	3.701.015.890
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.11	681.486.862	1.322.327.681
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	IV.12	1.570.101.744	199.234.935
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV.13	1.216.575.074	2.179.453.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.105.618.504	117.716.315.766

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		29.790.037.264	25.004.268.334
I. Nợ ngắn hạn	310		21.412.105.480	14.306.686.371
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.19	2.491.513.040	-
2. Phải trả cho người bán	312	IV.14	408.426.812	656.530.817
3. Người mua trả tiền trước	313	IV.14	2.646.594.218	578.019.551
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	IV.15	1.121.619.893	1.306.480.600
5. Phải trả người lao động	315		861.830.880	805.561.491
6. Chi phí phải trả	316	IV.16	2.757.810.653	1.950.631.377
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	IV.17	11.124.309.984	9.009.462.535
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.377.931.784	10.697.581.963
1. Phải trả dài hạn khác	333	IV.18	1.337.447.350	1.584.409.350
2. Vay và nợ dài hạn	334	IV.19	6.508.486.960	9.000.000.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		531.997.474	113.172.613
B. Vốn chủ sở hữu	400		70.315.581.240	92.712.047.432
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.20	70.315.581.240	92.712.047.432
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(11.736.597.513)	10.659.868.679
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.105.618.504	117.716.315.766

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	4.004,49	4.012,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

(Handwritten signature)

HUỖNH THANH ĐIỂM TRANG

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 5 năm 2013



DƯ HỮU DANH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Ghi chú				
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.01	45.849.792.797	55.023.034.686
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.849.792.797	55.023.034.686
4 Giá vốn hàng bán	11	V.02	44.235.234.602	49.873.864.466
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.614.558.195	5.149.170.220
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	1.089.945.511	2.198.738.049
7 Chi phí tài chính	22	V.04	1.578.570.874	1.869.883.041
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.551.208.561	1.846.067.091
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.05	28.339.690.856	9.704.765.418
10 Lợi nhuận thuần/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(27.213.758.024)	(4.226.740.190)
11 Thu nhập khác	31	V.06	10.322.931.590	9.637.718.058
12 Chi phí khác	32	V.07	4.398.954.343	2.078.178.515
13 Lợi nhuận khác	40		5.923.977.247	7.559.539.543
14 Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế	50		(21.289.780.777)	3.332.799.353
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.08	-	984.109.977
16 (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.09	(1.370.866.809)	105.221.212
17 Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.918.913.968)	2.243.468.164



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 5 năm 2013



DƯ HỮU DANH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(21.289.780.777)	3.332.799.353
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.169.577.356	5.402.031.582
Các khoản dự phòng	03	17.055.774.426	375.282.339
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(1.005.686.481)	(3.263.181.517)
Chi phí lãi vay	06	1.551.208.561	1.846.067.091
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	1.481.093.085	7.692.998.848
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(14.686.350.122)	3.841.002.430
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	61.469.326	(5.478.188)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	4.477.940.279	(87.150.554)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	3.127.218.552	(950.051.850)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.524.958.561)	(1.846.067.091)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(100.000.000)	(3.416.015.211)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	445.490.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1.944.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.163.587.441)	3.729.928.384
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.474.545)	(482.327.273)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	3.930.454.545	2.877.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.089.945.511	2.182.977.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.009.925.511	1.577.922.493
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(7.258.486.960)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.095.973.500)	(7.082.646.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.095.973.500)	(14.341.133.533)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
	50	(5.249.635.430)	(9.033.282.656)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.774.976.805	20.808.259.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.525.341.375	11.774.976.805

Mu

HUỖNH THANH DIỄM TRANG

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 5 năm 2013



DƯ HỮU DANH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist tên viết bằng tiếng nước ngoài là SAIGONTOURIST TRANSPORT CORPORATION và tên viết tắt là SATRACO (dưới đây gọi tắt là Công ty) là đơn vị được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vận Chuyển Saigontourist, số ĐKKD: 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/4/1994 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 12 số 0303609986 ngày 15 tháng 01 năm 2013.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn-tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn-uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được bộ tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị khác	5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

9. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên qua trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

10. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là khoản cho vay và các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5%, 2% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 23% sẽ được đưa vào phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 7 năm kể từ năm 2007 và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo được quy định trong công văn 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	688.503.501	667.100.000
Tiền gửi ngân hàng	5.836.837.874	11.107.876.805
Cộng	6.525.341.375	11.774.976.805
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	16.905.201.581	10.981.136.097
Trả trước cho người bán	3.109.966.602	5.149.246.523
Phải thu khác	20.771.016.135	9.072.181.668
Cộng	40.786.184.318	25.202.564.288
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.539.770.943)	(279.996.517)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	29.246.413.375	24.922.567.771
(*) Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
Công ty CP Kinh Doanh và phát triển nhà An Nghiệp Phát	1.381.112.970	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển An Thiện Nhân	8.340.639.838	-
Công ty XNK Việt Tiệp	1.404.604.416	-
Công ty CP Việt Nam Việt Nhật	278.036.475	257.668.933
Các khoản nợ phải thu khó đòi khác	135.377.244	22.327.584
Cộng	11.539.770.943	279.996.517
Căn cứ vào khả năng không thể thu hồi được của các khoản nợ phải thu khó đòi, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên.		
3. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu	451.737.945	511.516.071
Công cụ, dụng cụ	27.275.353	28.966.553
Cộng	479.013.298	540.482.624
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	(95.285.822)
Giá trị thuần có thể thực hiện được hàng tồn kho	383.727.476	445.196.802
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Công cụ dụng cụ	2.378.000	294.128.805
Chi phí khác	272.730.095	2.467.357.023
Cộng	275.108.095	2.761.485.828
5. Thuế GTGT được khấu trừ và thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	31/12/2012	01/01/2012
Thuế GTGT được khấu trừ	45.099.144	46.269.463
Thuế thu nhập cá nhân	17.311.910	-
Thuế khác	-	129.856.631
Cộng	62.411.054	176.126.094
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	1.107.249.702	931.926.370
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	830.213.400	826.213.400
Cộng	1.937.463.102	1.758.139.770

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2012	1.383.565.206	397.330.460	56.936.514.475	597.510.403	59.314.920.544
Tăng	-	10.474.545	1.040.896.295	-	1.051.370.840
Giảm	-	77.684.486	5.968.468.158	163.346.730	6.209.499.374
31/12/2012	1.383.565.206	330.120.519	52.008.942.612	434.163.673	54.156.792.010
Khấu hao lũy kế					
01/01/2012	1.092.286.590	391.600.642	15.536.290.719	499.555.385	17.519.733.336
Tăng	8.567.015	5.416.636	5.099.613.806	55.979.899	5.169.577.356
Giảm	-	77.684.486	1.957.179.769	159.921.544	2.194.785.799
31/12/2012	1.100.853.605	319.332.792	18.678.724.756	395.613.740	20.494.524.893
Giá trị còn lại					
01/01/2012	291.278.616	5.729.818	41.400.223.756	97.955.018	41.795.187.208
31/12/2012	282.711.601	10.787.727	33.330.217.856	38.549.933	33.662.267.117

Tính đến ngày 31/12/2012 xe Mitsubishi Jolie có nguyên giá là 198.120.544 đồng đang cho Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển An Thiện Nhân thuê theo hợp đồng thuê xe số 06/2011/HĐTX ngày 18/01/2011 để khai thác cho thuê tập lái xe tại TP HCM.

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở:

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
01/01/2012	13.750.000.000	-	13.750.000.000
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
31/12/2012	13.750.000.000	-	13.750.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp HCM theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng Thành Phố HCM cấp ngày 08/9/2003 và thông tin thay đổi về chủ được cập nhật ngày 24/10/2008; khu đất có diện tích 616,30 m2. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM để đảm bảo cho khoản vay được trình bày tại Mục IV.19.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
Phí tư vấn lập dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công dự án văn phòng làm việc tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 03, Quận Gò Vấp, TPHCM	211.909.090	211.909.090

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư vào công ty con	8.325.651.028	8.366.547.396
Đầu tư dài hạn khác	8.053.163.112	8.053.163.112
Cộng	16.378.814.140	16.419.710.508
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.796.000.000)	-
Cộng	10.582.814.140	16.419.710.508

Khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Công ty TNHH MTV DV Bảo Vệ Long Vân	100%	2.482.327.200	100%	2.482.327.273
Công ty TNHH MTV TMDL Sài Gòn	100%	5.843.323.828	100%	5.884.220.123
Cộng		8.325.651.028		8.366.547.396

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

10. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)		31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:			
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	(10.1)	2.177.147.112	2.177.147.112
Tập đoàn Radius		80.016.000	80.016.000
Công ty Cổ Phần Ô Tô vận tải Vina Đông Dương	(10.2)	5.796.000.000	5.796.000.000
Cộng		8.053.163.112	8.053.163.112

(10.1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Trí Phước Sang theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17-08/HĐHT/STC-PS ngày 07/4/2008 để cùng góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư kinh doanh một trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dài), Phường 12, Quận 10, TP HCM có diện tích 3.208 m². Thời hạn hợp tác kinh doanh là 30 năm 09 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng. Căn cứ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh trên thì Công ty góp vốn bằng tiền mặt 2.177.000.000 đồng và bằng tiền thuê mặt bằng trả hàng tháng cho bên cho thuê mặt bằng là Công ty SX TM XNK Tây Nam.

Căn cứ theo hợp đồng này thì Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist sẽ được Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Trí Phước Sang trả số tiền khoản lợi nhuận hàng tháng là 23.050 USD từ năm thứ nhất đến năm thứ năm và số tiền khoản lợi nhuận này không tùy thuộc vào kết quả kinh doanh lợi hay lỗ của nhà hàng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản khoản lợi nhuận nào từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Trí Phước Sang. Tính đến ngày 31/12/2012 Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Trí Phước Sang vẫn chưa xây dựng xong công trình trên tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dài), Phường 12, Quận 10, TP HCM do chưa hoàn tất hồ sơ pháp lý.

Quyền khai thác mặt bằng kinh doanh tại địa điểm nêu trên được hình thành theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/HĐHTKD-TN-2009 ngày 31/3/2009 ký giữa Công ty CP Vận chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty SX TM XNK Tây Nam; theo điều 4 của hợp đồng thì Công ty SX TM XNK Tây Nam tham gia góp vốn bằng quyền khai thác lợi thế của khu đất trong 30 năm hiệu lực của hợp đồng và theo điều 7 của hợp đồng này thì Công ty CP Vận chuyển Sài Gòn Tourist phải trả khoản khoản thu lợi nhuận hàng tháng từ năm thứ 01 đến năm thứ 05 của hợp đồng là 3.208m² x 66.660đồng/m²/tháng = 213.845.280 đồng/tháng tương đương 12.832 USD/tháng cho Công ty SX TM XNK Tây Nam.

Căn cứ theo công văn số 41/2013/TN-KT ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Công ty TNHH MTV SX TM XNK Tây Nam gửi Công ty CP Vận Chuyển Sài Gòn Tourist về việc thanh toán tiền phân chia lợi nhuận thì Công ty TNHH MTV SXTM XNK Tây Nam đề nghị Công ty CP Vận Chuyển Sài Gòn Tourist thanh toán tiền phân chia lợi nhuận từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 là 9.631.699.200 đồng. Công ty CP Vận Chuyển Sài Gòn Tourist không đồng ý thanh toán khoản tiền này do mặt bằng kinh doanh tại địa điểm trên chưa hoàn tất hồ sơ pháp lý để đưa vào khai thác sử dụng.

(10.2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương theo hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/6/2011 với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất cho vay là 15%/năm. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi cho vay nào từ hợp đồng vay này.

Căn cứ vào khả năng không thể thu hồi được của khoản cho vay này, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định lập dự phòng 100% đối với khoản cho vay này.

11. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2012	01/01/2012
Chi phí in ấn phẩm		-	188.250.000
Chi phí sửa chữa và lắp đặt thiết bị		574.165.272	1.057.433.681
Chi phí khác		107.321.590	76.644.000
Cộng		681.486.862	1.322.327.681
12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		31/12/2012	01/01/2012
Chênh lệch tạm thời		7.850.508.719	996.174.674
Thuế suất thuế TNDN		20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.570.101.744	199.234.935

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

13. Tài sản dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Ký quỹ xuất khẩu lao động	100.000	1.000.100.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ khác	415.121.800	378.000.000
Cộng	1.216.575.074	2.179.453.274
14. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả người bán	408.426.812	656.530.817
Người mua trả trước	2.646.594.218	578.019.551
Cộng	3.055.021.030	1.234.550.368
15. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	429.782.111	223.117.427
Thuế TNDN phải nộp	573.493.983	673.493.983
Thuế thu nhập cá nhân	-	468.190
Tiền thuế đất	118.343.799	409.401.000
Cộng	1.121.619.893	1.306.480.600
16. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí đào tạo lái xe	136.047.950	360.761.330
Chi phí dịch vụ lữ hành	616.992.396	114.202.017
Chi phí thuê mặt bằng, thuê quầy bán hàng	1.573.840.000	816.464.000
Chi phí lãi vay	26.250.000	-
Chi phí khác	404.680.307	659.204.030
Cộng	2.757.810.653	1.950.631.377
17. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	-	41.094.668
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	242.346.885
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Phải trả Trung tâm xuất khẩu lao động	284.006.943	284.006.943
Phải trả Cục quản lý lao động ngoài nước	481.942.219	-
Cổ tức năm 2008 chưa chi	412.000.657	2.421.776.957
Cổ tức năm 2010 chưa chi	2.463.734.400	2.549.931.600
Cổ tức năm 2011 chưa chi	2.400.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.943.325.765	3.331.005.482
Cộng	11.124.309.984	9.009.462.535
18. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Nhận ký quỹ của Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	58.900.000	58.900.000
Nhận ký quỹ của Australian trade commiccion	19.500.000	19.500.000
Nhận ký quỹ của văn phòng đại diện CN Quang Ninh	5.000.000	5.000.000
Nhận ký quỹ của Công ty CP đầu tư và phát triển An Thiện	150.000.000	150.000.000
Nhận ký quỹ của các tài xế lái xe du lịch và xe taxi	1.104.047.350	1.351.009.350
Cộng	1.337.447.350	1.584.409.350

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012	01/01/2012
19. Vay và nợ dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -CN TP HCM	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(2.491.513.040)	-
Cộng	6.508.486.960	9.000.000.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP HCM theo hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTĐ - TDH ngày 02/10/2009 để mua 100 xe Toyota Vios 1.5E phục vụ cho kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay là 05 năm từ ngày 02/10/2009 đến ngày 05/10/2014. Lãi suất trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của NH TMCP Công Thương Việt Nam cộng 3,0%/năm và mức lãi suất này được điều chỉnh hàng năm vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

Khoản vay này được bảo đảm bằng căn nhà tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP HCM (bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1269/SXD do sở xây dựng TP HCM cấp ngày 08/9/2003) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29 tháng 7 năm 2011.

20. Nguồn vốn chủ sở hữu

20. a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	01/01/2012	Tăng	Giảm	31/12/2012
Vốn góp	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.052.178.753	-	-	2.052.178.753
Lợi nhuận chưa phân phối	10.659.868.679	(19.918.913.968)	(2.477.552.224)	(11.736.597.513)
Cộng	92.712.047.432	(19.918.913.968)	(2.477.552.224)	70.315.581.240

20. b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	12.158.740.000	13.808.640.000
Vốn góp của các đối tượng khác	44.556.320.000	42.906.420.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

20. c. Cổ phần

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 vào ngày 29/4/2010 đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2009 với mức chia cổ tức là 12% bằng cổ phiếu. Cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa thực hiện việc phân chia lợi nhuận năm 2009 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

20. d. Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ giảm do:

	Năm 2012	Năm 2011
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	77.552.224	684.485.879
Chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông	-	9.600.000.000
Chia cổ tức năm 2011 cho các cổ đông	2.400.000.000	-
Cộng	2.477.552.224	10.284.485.879

Khoản cổ tức năm 2011 đã công bố được căn cứ theo thông báo số 06/CV-13 ngày 14/01/2013 về việc trả cổ tức năm 2011. Theo thông báo này thì mỗi cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức bằng tiền mặt là 3%/1 cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 300 đồng). Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thì số cổ phần tại ngày 31/12/2012 là 8.000.000 cổ phần.

V. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	20.222.854	659.414.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.829.569.943	54.363.620.620
Cộng	45.849.792.797	55.023.034.686
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	45.849.792.797	55.023.034.686

2. Giá vốn

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.222.854	428.282.501
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.215.011.748	49.350.296.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	95.285.822
Cộng	44.235.234.602	49.873.864.466

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền cho vay	1.089.945.511	2.182.977.039
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.445.010
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	316.000
Cộng	1.089.945.511	2.198.738.049

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi tiền vay	1.551.208.561	1.846.067.091
Tiền lãi ký quỹ tài xế	-	23.815.950
Chi phí hoạt động tài chính khác	27.362.313	-
Cộng	1.578.570.874	1.869.883.041

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	3.782.941.829	3.859.790.060
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.413.134	245.069.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	538.399.785	139.508.736
Thuế, phí, lệ phí	48.209.280	24.836.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.047.878	111.439.343
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.055.774.426	279.996.517
Chi phí bằng tiền khác	6.558.904.524	5.044.124.718
Cộng	28.339.690.856	9.704.765.418

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

	Năm 2012	Năm 2011
6. Thu nhập khác		
Tiền bồi thường dự án 99C Phố Quang	6.400.000.000	6.400.000.000
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.930.454.545	2.877.272.727
Điều chỉnh giảm khoản nhận hỗ trợ bến bãi năm 2011	(363.636.364)	-
Các khoản thu nhập khác	356.113.409	360.445.331
Cộng	10.322.931.590	9.637.718.058
7. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý TSCĐ	4.106.662.969	1.797.068.249
Các khoản chi phí khác	292.291.374	281.110.266
Cộng	4.398.954.343	2.078.178.515
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Tổng lãi kế toán trước thuế	(21.289.780.777)	3.332.799.353
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	7.850.508.719	-
Các khoản điều chỉnh tăng	112.083.000	603.640.553
Tổng thu nhập tính thuế	(13.327.189.058)	3.936.439.906
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	-	984.109.977
9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	(1.570.101.744)	(199.234.935)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	199.234.935	304.456.147
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.370.866.809)	105.221.212
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	2.620.371.672	4.078.199.729
Chi phí nhân viên	13.736.861.370	14.298.077.016
Chi phí khấu hao	5.169.577.356	5.402.031.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.175.647.640	30.952.741.952
Chi phí khác	23.641.967.752	4.849.831.982
Cộng	71.344.425.790	59.580.882.261

11. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Khách sạn, khu du lịch, nhà hàng, dịch vụ lữ hành, vận chuyển, xuất nhập khẩu	Cổ đông
2. Công ty TNHH Thép Vinh Đa	Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại	Cổ đông
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	Dịch vụ bảo vệ	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	Thương mại, du lịch	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

11. Nghiệp vụ với các Bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm bao gồm:

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu	3.890.904.220	3.294.246.090
Mua hàng	1.309.746.932	2.705.702.539
Chi phí lãi vay	-	75.808.333
Góp vốn trong năm	1.000.000.000	6.366.547.396
Thu hồi vốn góp trong năm	1.040.896.295	-
Cho mượn	370.000.000	-
Chi hộ phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thôi việc	501.299.463	-
Chi trả cổ tức	2.000.000.000	-

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các công ty liên quan như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu thương mại-Xem thêm mục IV.2	1.460.680.403	1.501.341.103
Phải thu khác -Xem thêm mục IV.2	1.324.914.013	372.732.393
Phải trả thương mại -Xem thêm mục IV.14	345.826.780	516.567.726
Phải trả khác - Xem thêm mục IV. 17	1.063.310.400	2.033.409.240

Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập của Tổng Giám Đốc	293.097.770	343.780.716

12. Công cụ tài chính:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.525.341.375	11.774.976.805
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.136.446.773	19.137.488.277
Đầu tư dài hạn	8.053.163.112	8.053.163.112
Tổng cộng	40.714.951.260	38.965.628.194

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Công nợ tài chính

Các khoản vay	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	12.870.184.146	10.966.689.787
Chi phí phải trả	2.757.810.653	1.950.631.377
Tổng cộng	24.627.994.799	21.917.321.164

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.004,49	4.012,84

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ	2.491.513.040	6.508.486.960	9.000.000.000
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	11.532.736.796	1.337.447.350	12.870.184.146
Chi phí phải trả	2.757.810.653	-	2.757.810.653

01/01/2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	7.015.703.480	3.950.986.307	10.966.689.787
Chi phí phải trả	1.950.631.377	-	1.950.631.377

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.525.341.375	-	6.525.341.375
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	26.136.446.773	-	26.136.446.773
Đầu tư tài chính	-	8.053.163.112	8.053.163.112

01/01/2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.774.976.805	-	11.774.976.805
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	18.080.747.323	1.056.740.954	19.137.488.277
Đầu tư tài chính	-	8.053.163.112	8.053.163.112

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

13. Nợ tiềm tàng

Ngày 31/3/2009, Công ty ký với Công ty SX TM XNK Tây Nam một hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/HĐHTKD-TN-2009 để đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng cho thuê- nhà hàng tiệc cưới tại địa điểm 11C Sư VạnHạnh (nối dài) Phường 12, Quận 10, TPHCM trong 30 năm. Theo điều 7 của hợp đồng này thì Công ty phải trả cho Công ty SX TM XNK Tây Nam khoản tiền 213.845.280 đồng/tháng tương đương 12.832 USD/tháng cho Công ty SX TM XNK Tây Nam, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, với nội dung là khoản thu lợi nhuận hàng tháng từ năm thứ 01 đến năm thứ 05 của hợp đồng, điều chỉnh tăng 5% mỗi 5 năm.

Ngày 04 tháng 01 năm 2013 Công ty TNHH MTV SX TM XNK gửi công văn số 41/2013/TN-KT yêu cầu Công ty thanh toán tiền phân chia lợi nhuận từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 là 9.631.699.200 đồng, căn cứ vào hợp đồng nêu trên. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty thì Công ty không có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này do mặt bằng kinh doanh tại địa điểm 11C Sư VạnHạnh (nối dài) Phường 12, Quận 10, TPHCM chưa hoàn tất hồ sơ pháp lý để đưa vào khai thác sử dụng. Đến ngày phát hành báo cáo này, vấn đề trên chưa được hai bên thống nhất xử lý, và Công ty cũng không ghi nhận khoản nợ tiềm tàng này.

14. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

15. Số liệu so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 5 năm 2013



DƯ HỮU DANH

Tổng Giám đốc